

Bản án số: 71/2022/HSST
Ngày: 16/05/2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé.
2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Tấn Đài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Nguyễn Ngọc Diệu – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 05 năm 2022, tại Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2021/HSST, ngày 12 tháng 04 năm 2021, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HS ngày 23/03/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2022/HSST-QĐ ngày 22/04/2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Đình T, sinh năm 1982, giới tính: Nam; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp G, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: Ấp G, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tài xế; Trình độ văn hóa: 07/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Con ông Phạm Văn T và bà Đặng Thị Đ; Anh chị em ruột: 04 người (kể cả bị cáo), bị cáo có vợ tên Huỳnh Thị G, có 01 con sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam trong vụ án khác, hiện có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

Ông Huỳnh Tấn P, sinh năm: 1971; nơi cư trú: Số 93, đường T, phường 2, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB).

Đại diện theo pháp luật: Ông Từ T P.

Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Số 442, đường N, phường 5, quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

Ông Cao Trường Sơn H.

Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng thương mại cổ phần Á Châu (ACB) Chi nhánh Củ Chi.

Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn C, huyện C, thành phố Hồ Chí Minh, (có đơn xin vắng mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm: 1991; nơi cư trú: Số 17F, đường 76, Ấp Đ, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh, (có đơn xin vắng mặt).

2. Bà Võ Thị Diệu H, sinh năm: 1986; nơi cư trú: Số 9/5B, khu phố 6, phường T, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 8 giờ 10 phút ngày 31 tháng 8 năm 2019 anh Huỳnh Tấn P (sinh năm 1971) đến quầy giao dịch số 6 Chi nhánh Ngân hàng ACB tại khu phố 5, thị trấn C, huyện C, TP. Hồ Chí Minh để giao dịch rút số tiền 900.000.000 đồng trong tài khoản cá nhân của anh P. Sau khi giao dịch, anh P ra về và để quên tại quầy số tiền 100.000.000 đồng, gồm 01 cọc tiền loại mệnh giá 200.000 đồng. Sau đó, anh P quay lại ngân hàng để lấy thì số tiền anh bỏ quên trên quầy không còn nữa.

Qua xác minh, trích xuất camera tại chi nhánh ngân hàng xác định người giao dịch sau anh P là Phạm Đình T đến chi nhánh ngân hàng giao dịch rút 300.000.000 đồng. Lúc Phạm Đình T vào giao dịch, số tiền 100.000.000 đồng của anh P đã có sẵn trên bàn. T dùng tay trái đặt lên cọc tiền này của anh P. Sau đó, nhân viên ngân hàng đưa ra bàn cho T 3 cọc tiền loại mệnh giá 50.000 đồng, T bỏ 03 cọc tiền của mình vào túi nylon. Đồng thời T lấy cọc tiền 100.000.000 đồng của anh P để quên nêu trên bỏ vào túi nylon của T, rồi ra khỏi Ngân hàng ACB.

Qua hình ảnh camera, Cơ quan CSĐT Công an huyện Củ Chi đã triệu tập Phạm Đình T lên làm việc và yêu cầu T trả lại tài sản cho anh Huỳnh Tấn P nhưng T không đồng ý. Phạm Đình T không thừa nhận hành vi chiếm giữ cọc tiền mà anh P để quên và khai rằng sau khi giao dịch rút tiền tại Ngân hàng xong, do tin tưởng nhân viên ngân hàng nên không đếm lại tiền mà đem toàn bộ túi nylon đựng tiền giao cho chị Võ Thị Diệu H để trả tiền nợ mà T mượn của bà H trước đó. Qua làm việc, chị H khai T có trả tiền cho chị H nhưng không phải 400.000.000 đồng mà T chỉ trả cho chị H 300.000.000 đồng.

Vật chứng thu giữ: Không có.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Đình T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và khai rằng: Vào lúc 8 giờ 10 phút ngày 31 tháng 8 năm 2019, bị cáo có đến quầy giao dịch số 6 Chi nhánh Ngân hàng ACB tại khu phố 5, thị trấn C, huyện C, TP. Hồ Chí Minh để giao dịch rút số tiền 300.000.000 đồng trong tài khoản cá nhân của bị cáo, khi giao dịch, bị cáo P hiện tiền của ai để quên tại quầy số tiền 100.000.000 đồng, gồm 01 cọc tiền loại mệnh giá 200.000 đồng nên bị cáo bỏ cọc tiền vào túi nylon của bị cáo cùng số tiền mà bị cáo rút khi giao dịch là 300.000.000 đồng và ra về. Sau khi sự việc xảy ra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi đã triệu tập bị cáo lên làm việc và yêu cầu bị cáo T trả lại tài sản cho người để quên là anh P nhưng bị cáo không đồng ý trả.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 24/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đã truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Củ Chi để xét xử Phạm Đình T về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Ngày 16/05/2022, gia đình bị cáo T đã khắc phục trả cho ông Huỳnh Tấn P số tiền 100.000.000 đồng và ông P đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố đối với Phạm Đình T về tội “Chiếm giữ trái phép tài sản” theo khoản 1 Điều 176 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 và đề nghị:

Tuyên bố:

- Bị cáo Phạm Đình T phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.
- Áp dụng khoản 1 Điều 176, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Đình T mức án từ 03 (ba) tháng đến 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 (một) cái USB.
- Về trách nhiệm dân sự:

Bị cáo đã tác động gia đình bị cáo đã trả lại cho bị hại là ông Huỳnh Tấn P số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng nên không có đề nghị gì khác.

Tại phiên tòa, bị cáo T không tranh luận, không tự bào chữa.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Tiến hành tố tụng, người Tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ có tại hồ sơ. Bị cáo Phạm Đình T có hành vi chiếm giữ của anh P số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng mà anh P đã bỏ quên tại quầy giao dịch của ngân hàng ACB chi nhánh Củ Chi nhưng khi Cơ quan Cảnh sát điều tra yêu cầu bị cáo trả lại số tiền trên cho ông P nhưng bị cáo không trả lại. Bằng hành vi trên, bị cáo Phạm Đình T đã phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản, tội phạm và hình phạt quy định khoản 1 Điều 176 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, với phương thức lợi dụng việc sơ ý của người quản lý, đã chiếm đoạt tài sản của người khác, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo chiếm đoạt tài sản của người khác là sai trái, phạm pháp thể nhưng bị cáo vẫn ngang nhiên hành động phạm tội chỉ vì cần tiền tiêu xài nhằm thoả mãn động cơ tư lợi riêng của cá nhân bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng hình phạt thật nghiêm khắc, cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo có thời

gian cải tạo và giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt đồng thời phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên cần xem xét tính chất và mức độ nguy hiểm trong hành vi và nhân thân của bị cáo để có mức hình phạt tương xứng.

[3] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ:

Tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ: Tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện tác động gia đình bồi thường thiệt hại cho người bị hại và bị hại có đơn yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, lần phạm tội này của bị cáo là phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là ông Huỳnh Tấn P đã nhận lại số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tại phiên tòa, bị hại không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về vật chứng: Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 (một) USB.

[8] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Căn cứ vào Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Phạm Đình T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Đình T phạm tội “Chiếm giữ trái phép tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 176, điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Phạm Đình T 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo T chấp hành án.

- Áp dụng Điều 105; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Tiếp tục lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 (một) USB.

- Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Buộc bị cáo Phạm Đình T phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Công an huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Quang Định